

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ- PT
Ngày: 17/01/2020
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Sự.

Các Thẩm phán:

Ông Ngô Thanh Sỹ

Ông Nguyễn Thanh Phong

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Đức

- Đại diện VKSND tỉnh Đồng Nai: ông Phan Quốc Phong - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Ngày 17 tháng 01 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2019/TLPT-HNGĐ ngày 20/12/2019 về “Ly hôn”

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 238/2019/HNGĐ-ST ngày 25/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 65/2019/QĐ-PT ngày 24/12/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐ-HPT ngày 08/01/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Mỹ Th

Địa chỉ: phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H

Địa chỉ: phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

Địa chỉ liên lạc (theo đơn kháng cáo): xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình (Công ty TNHH phát triển lâm nghiệp B)

3. Người kháng cáo: bị đơn ông Nguyễn Văn H

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm

* Nguyên đơn bà Hoàng Thị Mỹ Th trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn H sống chung với nhau năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 89/2015, Quyền số 01/2015 ngày 03/4/2015). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng bất đồng quan điểm, ông H thường xuyên đi làm xa và vắng nhà, tình cảm vợ chồng không gần gũi, không có sự yêu thương, chia sẻ, vợ chồng không còn niềm tin đối với nhau nên từ đó nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Giữa bà và ông H hiện nay thực tế chỉ tồn tại với nhau về mặt pháp lý, còn tình cảm vợ chồng thì thực sự không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông và bà Th tự nguyện kết hôn và chung sống với nhau từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B theo đúng như bà Th đã khai. Lý do ông phải thường xuyên xa nhà là vì công việc của ông chứ không phải vì lý do gì khác, nhưng thỉnh thoảng ông vẫn về thăm bà Th. Về tình cảm của ông với bà Th cũng như đối với gia đình bà Th thì ông vẫn còn và tôn trọng, có cha ruột của bà Th là người nắm rõ. Theo ông, những gì bà Th khai tại Tòa án thực sự chỉ là sự hiểu lầm nhau mà thôi, nên ông không đồng ý ly hôn với bà Th.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Do ông không đồng ý ly hôn nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Tại bản án sơ thẩm số 238/2019/HNGĐ-ST ngày 25/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, đã tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị Mỹ Th

Về quan hệ hôn nhân: bà Hoàng Thị Mỹ Th được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Về con chung: không có

Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của đương sự.

- Ngày 11/12/2019 ông nộp đơn kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do có vi phạm nghiêm trọng về việc tổng đạt văn bản tố tụng, đồng thời vợ chồng ông không có mâu thuẫn, tình cảm vẫn còn.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về đường lối giải quyết:

Theo đơn khởi kiện và tài liệu gửi kèm là đơn xin xác nhận tạm trú ngày 15/6/2019 có xác nhận của Công an phường T thể hiện ông Nguyễn Văn H tạm trú tại nhà không số, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Trong quá trình làm việc, Tòa án nhân dân thành phố B đã tổng đạt Thông báo thụ lý, tiến hành lấy lời khai ông H, xác minh tại Công an phường T cho thấy có việc ông H tạm trú tại địa chỉ trên, bản thân ông đi làm ở xa nhưng hàng tháng vẫn đi về, do đó Tòa án nhân dân TP B tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng cho ông H tại địa chỉ trên là đúng quy định.

Về yêu cầu xin ly hôn: Bà Th xác định không còn tình cảm với ông H. Phía ông H cho rằng những mâu thuẫn bà Th nêu ra chỉ là hiểu lầm, ông vắng nhà thường xuyên là do yêu cầu công việc, bản thân vẫn còn tình cảm với bà Th, yuy nhiên ông H không đề ra được biện pháp để vợ chồng hàn gắn. Như vậy, có thể coi hôn nhân của hai người lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Th là có cơ sở.

Từ các phân tích trên, đại diện VKSND tỉnh Đồng Nai đề nghị bác kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục kháng cáo:

Bị đơn ông H nộp đơn kháng cáo và tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định nên kháng cáo của đương sự này được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đồng thời cung cấp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của công ty TNHH phát triển lâm nghiệp B, giấy xác nhận nơi cư trú ngày 10/01/2020 có xác nhận của UBND xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình là tài liệu chứng cứ mới.

[2] Về quan hệ pháp luật, người tham gia tố tụng: cấp sơ thẩm xác định đúng và đầy đủ

[3] Người tham gia phiên tòa:

Nguyên đơn bà Th có yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt đương sự này.

[4] Xét nội dung kháng cáo:

Tại đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông H cho rằng do ông không cư trú tại phường T, thành phố B nên việc Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông tại địa chỉ trên là vi phạm thủ tục tố tụng. Đồng thời bản án

sơ thẩm nhận định về mâu thuẫn vợ chồng ông đến mức không thể chung sống là chưa phản ánh đúng sự thật.

[4.1] Về thủ tục cấp tổng đạt văn bản tố tụng:

Ngày 12/6/2019, ông H đã đến làm việc tại trụ sở Tòa án theo Giấy triệu tập của Tòa án nhân dân thành phố B. Ông H đã làm bản tự khai, được tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập cho lần làm việc tiếp theo. Tại bản tự khai và biên bản làm việc ngày 12/6/2019 (bút lục 21- 23), ông H có trình bày làm việc tại Quảng Bình nhưng nhằm lý giải cho việc ông phải đi làm việc ở xa. Tại phiên tòa phúc thẩm, qua đối chiếu nội dung thể hiện tại các văn bản trên, ông H thừa nhận trong các tài liệu trên không có nội dung thể hiện việc yêu cầu Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng theo địa chỉ tại tỉnh Quảng Bình như ông nêu tại đơn kháng cáo.

Đồng thời, ông H cũng trình bày việc vợ chồng đã xây nhà, tổ chức cuộc sống chung tại phường T, thành phố B từ năm 2015, bản thân ông mặc dù làm việc tại Quảng Bình thường xuyên về căn nhà trên trung bình mỗi tháng từ 05- 07 ngày. Trình bày trên tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án nhân dân thành phố B, phù hợp với chính lời khai của ông H tại bản tự khai và biên bản làm việc ngày 12/6/2019 cũng như các tài liệu, chứng cứ mới do ông H nộp tại phiên tòa phúc thẩm. Từ các căn cứ trên có đủ cơ sở xác định có việc ông H chung sống với bà Th tại phường T, thành phố B. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố B tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông H tại địa chỉ trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét trong quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án nhân dân thành phố B tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho ông H khi tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử sơ thẩm theo đúng quy định tại chương X của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Như vậy, việc ông H kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là không có căn cứ chấp nhận.

[4.2] Về tình trạng hôn nhân:

Ông H cho rằng vợ chồng không mâu thuẫn trầm trọng, giữa các bên chỉ hiểu lầm do ông thường xuyên phải đi làm xa nhà, việc cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Th là không đủ cơ sở. Tuy nhiên qua lời khai của ông Hoàng Ngọc V (bút lục 42) là người làm chứng do chính ông H đề nghị, thì thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H bà Th là có thật, nguyên nhân là do cả hai bất đồng quan điểm, không thường xuyên chung sống, ít có sự chia sẻ, nghi ngờ nhau nên khó hàn gắn. Ông H cũng khai nhận việc từ thời điểm biết được việc bà Th nộp đơn xin ly hôn (ngày 12/6/2019) đến nay, ông đã nhiều lần trao đổi với bà Th để hàn gắn nhưng không có kết quả, ông đề nghị bà Th rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nhưng bà Th không đồng ý. Từ các diễn biến trên, xét quan hệ hôn nhân giữa ông H bà Th đã tồn tại mâu thuẫn, bất đồng; các bên không thể tự hàn gắn, đoàn tụ; mục đích hôn nhân không đạt được; nguyên đơn cương quyết ly hôn; bị đơn không đưa ra được biện

pháp để vợ chồng đoàn tụ; khả năng hàn gắn không còn do đó việc cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là phù hợp.

Từ các phân tích trên, ông H kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm là không có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, các bên đương sự trong vụ án đều có lời khai xác định không có nợ chung nhưng tại phần Quyết định của bản án sơ thẩm lại tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu là chưa chính xác, cần sửa lại cách tuyên án.

[5] Về án phí: do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Đối với quan điểm Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa:

Quan điểm của Kiểm sát viên về đường lối giải quyết vụ án cơ bản phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử tuy nhiên cần sửa bản án sơ thẩm về cách tuyên án như đã phân tích ở trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 238/2019/HNGĐ-ST ngày 25/10/2019 của TAND thành phố B về cách tuyên án.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Mỹ Th về việc “Xin ly hôn” với ông Nguyễn Văn H

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Hoàng Thị Mỹ Th được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: không có

3. Về nợ chung: không có.

4. Về tài sản chung: tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

5. Về án phí:

Bà Hoàng Thị Mỹ Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, trừ vào tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 8129 ngày 22/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Hoàn trả ông Nguyễn Văn H 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu số 1065 ngày 15/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa: ông Nguyễn Công Sự (đã ký)

Các thẩm phán: ông Ngô Thanh Sỹ - ông Nguyễn Thanh Phong (đã ký)

